TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN ĐỘNG** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06/01/2023
V/v: Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG, TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Quang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Ngát.

Bà Nguyễn Thị Bắc.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Minh Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Động xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 48/2022/TLST-HNGĐ ngày 06/4/2022 về việc tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04/11/2022, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 02/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21/11/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16/12/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1973 (Có mặt).

Bị đơn: Anh Phùn Văn N, sinh năm 1979 (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Phùn Thị Như Q, sinh năm 2002 (Văng mặt).

Đều Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh Phùn Văn N, sinh năm 1979 đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự số 63/2017/QĐST-HNGĐ ngày 28/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Động. Khi ly hôn vợ chồng chị chỉ tự thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng với nhau nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do sau đó anh N không thực hiện cam kết tự phân chia tài sản nên chị đề nghị Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung của vợ chồng là 223,55 m2

đất trồng cây lâu năm đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên chị và anh Phùn Văn N, tại tổ dân phố T, thị trấn T, huyện S, tỉnh Bắc Giang. Chị đề nghị như thỏa thuận của vợ chồng là để lại thửa đất này cho cháu Phùn Thị Như Q, sinh năm 2002 là con chung của anh N và chị. Nếu anh N không đồng ý thì chị đề nghị chia đôi diện tích đất này, trường hợp anh N không lấy hiện vật bằng đất thì chị sẽ lấy đất và trích chia bằng tiền cho anh N. Về diện tích đất bị thu hồi là 73,7 m2 chị và anh N đã nhận đủ tiền đền bù nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị không đề nghị phân chia tài sản chung nào khác.

Bị đơn là anh Phùn Văn N đã được Tòa án triệu tập đến để làm việc nhưng anh N không đến cũng như không gửi văn bản ý kiến cho Tòa án.

Cháu Phùn Thị Như Q trình bày: Cháu không có công sức đóng góp gì đối với thửa đất, các tài sản trên đất mẹ cháu là Nguyễn Thị H đề nghị phân chia. Cháu xin từ chối tham gia tố tụng trong vụ án.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H đề nghị chia đôi diện tích đất 223,55 m2 đất trồng cây lâu năm và tài sản trên đất, do chị không có khả năng kinh tế để trả chênh lệch số tiền cho anh N.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động: Về việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn sự trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng các Điều 33, 34, 35, 62 Luật hôn nhân gia đình; Khoản 1 Điều 28; Điểm a, Khoản 1, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228, 271, Điều 273 BLTTDS;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Xử:

Giao chị Nguyễn Thị H sử dụng diện tích đất 111,775 m2 và 34,92 m2 tường bao, anh Phùn Văn N sử dụng diện tích đất 111,775 m2 và 17,58 m2 tường bao theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên chị Nguyễn Thị H và anh Phùn Văn N, tại tổ dân phố T, thị trấn T, huyện S, tỉnh Bắc Giang (Có sơ đồ kèm theo).

Án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung sau ly hôn với anh Phùn Văn N, có địa chỉ tại Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện S, tỉnh Bắc Giang. Do vậy, xác định đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình theo Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Động theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35,

điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa anh Phùn Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý chính đáng, cháu Phùn Thị Như Q xin vắng mặt và xin từ chối tham gia tố tụng nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh N, cháu Quỳnh theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung khởi kiện: Chị Nguyễn Thị H đề nghị Tòa án chia đôi diện tích đất là 223,55 m2, đất trồng cây lâu năm đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên chị Nguyễn Thị H và anh Phùn Văn N, tại tổ dân phố T, thị trấn T, huyện S, tỉnh Bắc Giang. Xét thấy chị Nguyễn Thị H và anh Phùn Văn N đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự số 63/2017/QĐST-HNGĐ ngày 28/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Động. Khi ly hôn vợ chồng chị H, anh N chỉ tự thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng với nhau nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 02300H, ngày 14/4/2009, số seri AP 176788 cho hộ ông Phùn Văn N, bà Nguyễn Thị H có diện tích đất 297,25 m2, năm 2019 UBND huyện Sơn Động đã có quyết định số 502/QĐ-UBND ngày 18/10/2019 về việc thu hồi diện tích đất 73,7 m2. Diện tích đất hiện tại của anh N, chị H còn lại là 223,55 m2. Sau khi bị thu hồi đất anh N, chị H đã nhận đủ tiền đền bù và không có ý kiến gì khác nên cần xác định tài sản chung của anh N, chị H là diện tích đất 223,55 m2, đất trồng cây lâu năm và tài sản trên đất tại tổ dân phố T, thị trấn T, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

Chị H đề nghị chia đôi diện tích đất trên vì chị không có đủ khả năng kinh tế để nhận cả thửa đất và trích chia bằng tiền cho anh N. Anh N đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có văn bản, ý trình trình bày nguyện vọng cho Tòa án biết đồng thời cháu Phùn Thị Như Q là con chung của anh N, chị H không đề nghị gì với thửa đất chị H đề nghị được phân chia nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, chia đôi diện tích 223,55 m2 đất trồng cây lâu năm và tài sản trên đất cho chị H và anh N. Cụ thể giao chị Nguyễn Thị H sử dụng diện tích đất 111,775 m2 (Có giá trị là 223.550.000 đồng) và 34,92 m2 tường bao (Có giá trị là 3.492.000 đồng), anh Phùn Văn N sử dụng diện tích đất 111,775 m2 (Có giá trị là 223.550.000 đồng) và 17.58 m2 tường bao (Có giá trị là 1.758.000 đồng) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên chị Nguyễn Thị H và anh Phùn Văn N, tại tổ dân phố T, thị trấn T, huyện S, tỉnh Bắc Giang (Có sơ đồ kèm theo). Tổng giá trị chị H được nhận là 227.042.000 đồng, anh N được nhận là 225.308.000 đồng. Do giá trị tài sản của chị H được nhận cao hơn nên cần buộc chị H phải trích chia trênh lệch cho anh N số tiền là 867.000 đồng.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Cần buộc chị H và anh N mỗi người phải chịu ½ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Do chị H đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản vì vậy cần buộc anh N phải trả phần của anh phải chịu cho chị H.

[5] Về án phí: Cần buộc các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 33, 34, 35, 62 Luật hôn nhân gia đình; Khoản 1 Điều 28; Điểm a, Khoản 1, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228, 271, Điều 273 BLTTDS;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Xử:

Giao chị Nguyễn Thị H sử dụng diện tích đất 111,775 m2, có giá trị là 223.550.000 đồng và 34,92 m2 tường bao, có giá trị là 3.492.000 đồng (Bao gồm các điểm ABEDC); Giao anh Phùn Văn N sử dụng diện tích đất 111,775 m2, có giá trị là 223.550.000 đồng và 17.58 m2 tường bao, có giá trị là 1.758.000 đồng (Bao gồm các điểm ABGHKL) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên chị Nguyễn Thị H và anh Phùn Văn N, tại tổ dân phố T, thị trấn T, huyện S, tỉnh Bắc Giang (Có sơ đồ kèm theo). Tổng giá trị chị H được nhận là 227.042.000 đồng, anh N được nhận là 225.308.000 đồng.

Buộc chị Nguyễn Thị H phải trích chia phần chênh lệch tài sản cho anh Phùn Văn N số tiền 867.000 đồng.

2- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 2.998.000 đồng, anh Phùn Văn N phải chịu 2.998.000 đồng.

Buộc anh Phùn Văn N phải có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền 2.998.000 đồng.

3- Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị H phải chịu 11.308.750 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ 2.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0015325 ngày 29/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Động. Buộc anh Phùn Văn N phải chịu 11.308.750 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4- Báo cho đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Sơn Động;
- Chi cục THADS huyện Sơn Động;
- Các đương sự;
- Lưu: HS+VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Ngô Văn Quang